

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **187/2017/HSST**
Ngày 26/10/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Phượng;**

Các hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Nguyễn Tạo Giáp;**

2- Bà **Vũ Thị Kim Thanh;**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân quận B, Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Huyền**, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 190/TLST-HS ngày 02/10/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Đỗ Văn Q, sinh năm 1991; Giới tính: Nam; HKTT: xã N, huyện H, tỉnh Nam Định; T độ văn hoá: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Đỗ Văn C, sinh năm 1958; Con bà: Vũ Thị Đ, sinh năm 1961; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án: Tại Bản án số 27/2014/HS-ST ngày 08/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định xử phạt Đỗ Văn Q 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 5 năm về tội “Cướp tài sản” theo Khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự (chưa hết thời hạn thử thách của án treo).

Tiền sự: Không;

Danh chỉ bản số 0305, lập ngày 18/7/2017 tại Công an quận B. Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 18/7/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Họ tên: Trần Công T, sinh năm 1994; Giới tính: Nam; HKTT: Xóm 6, xã N, huyện H, tỉnh Nam Định; T độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Q

tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Văn S, sinh năm 1968 (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1969; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án: Tại Bản án số 27/2014/HS-ST ngày 08/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định xử phạt Trần Công T 36 tháng tù về tội “Cướp tài sản” theo Khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự. Ra trại ngày 30/8/2016, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 0304, lập ngày 18/7/2017 tại Công an quận B. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 18/7/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội. Có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Chi nhánh lắp máy điện nước và xây dựng- Công ty cổ phần xây dựng số 1 Hà Nội.

Địa chỉ: Số 59 Quang Trung, phường N, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đắc, Giám đốc Chi nhánh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Anh Hoàng, Phó giám đốc Chi nhánh.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980

Địa chỉ: TDP Tân Xuân, phường X, quận B, Hà Nội. Vắng mặt.

2- Chị Ngô Thị L, sinh năm 1982

Địa chỉ: đường P, phường C, quận B, Hà Nội. Vắng mặt.

3- Anh Lưu Nam K, sinh năm 1993

Địa chỉ: xã N, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn Q là công nhân lắp đặt điện trong công trường xây dựng khu dự án Ngoại giao đoàn, phường X, quận B, thành phố Hà Nội nhưng đã nghỉ việc. Đầu tháng 7/2017, Đỗ Văn Q cùng Trần Công T đến ở nhờ tại phòng trọ của anh Lưu Nam K ở phường P, quận B, thành phố Hà Nội. Đến sáng ngày 16/7/2017, do không có tiền tiêu sài nên Đỗ Văn Q nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và rủ Trần Công T sang khu dự án Ngoại giao đoàn tìm tòa nhà nào có sơ hở thì vào trộm cắp attomat. Q và T mang theo 01 ba lô, 01 kim điện và 02 tuốc-lơ-vit để làm công cụ trộm cắp. Q mượn xe máy Wave BKS: 18Y1-3005 của anh Lưu Nam K nói là mượn đi có việc

rồi điều khiển xe chở T đến khu dự án Ngoại giao đoàn. Sau khi quan sát thấy công T tòa nhà N03T5 khi ra vào bảo vệ không kiểm tra thẻ nên Q và T đi vào trong tòa nhà và tìm các hộp điện để tháo attomat do Chi nhánh lắp máy điện nước và xây dựng-Công ty cổ phần xây dựng số I Hà Nội lắp đặt. Q dùng tuốc-lơ-vít, kìm điện mang theo tháo các attomat, T đứng canh giới và cho attomat Q tháo được vào trong ba lô. Q và T trộm cắp được 112 attomat nhãn hiệu Schneider một pha và 2 chiếc attomat nhãn hiệu Schneider ba pha. Sau đó, Q và T đi ra khỏi tòa nhà, mang số attomat trộm cắp bán cho anh Nguyễn Văn Đ được 2.000.000 đồng.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, cũng bằng thủ đoạn như trên, Đỗ Văn Q và Trần Công T trộm cắp tại tầng hầm của tòa nhà được 58 attomat nhãn hiệu Schneider một pha và 5 chiếc ba pha rồi bán cho chị Ngô Thị L được 1.800.000 đồng.

Số tiền bán tài sản trộm cắp, Q đưa cho anh Lưu Nam K 500.000 đồng để mua đồ ăn, đưa cho T 1.400.000 đồng, còn lại Q giữ và tiêu sài hết.

Đến khoảng 9 giờ 30 phút ngày 18/7/2017, Q và T tiếp tục rủ nhau đến tòa nhà trên để trộm cắp tài sản. Khi cả hai đang tháo attomat tại tầng 3 của tòa nhà thì bị anh Cấn Văn M (Sinh năm 1986, HKTT: xã P, huyện P, thành phố Hà Nội) phát hiện, Q bỏ chạy, T bị anh Minh giữ lại và giao cho Công an phường X, quận B, thành phố Hà Nội lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ của Trần Công T: 01 ba lô màu đen.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận B bắt khẩn cấp Đỗ Văn Q, thu giữ của Q: 01 kìm điện chuôi nhựa màu đỏ đen, 02 tuốc-lơ-vít, 01 xe máy Wave BKS: 18Y1-3005.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã dẫn giải T, Q chỉ nơi bán tài sản và thu giữ được tài sản trộm cắp gồm: thu giữ 112 attomat một pha nhãn hiệu Schneider và 02 attomat ba pha nhãn hiệu Schneider của anh Nguyễn Văn Đ; 58 attomat một pha nhãn hiệu Schneider và 05 attomat ba pha nhãn hiệu Schneider của chị Ngô Thị L.

Ngày 26/7/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận B ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 144. Tại Kết luận định giá tài sản số 86/KLĐGTS ngày 08/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND quận B kết luận:

- 170 attomat Schneider có mã số EZ9F34110 loại một pha trị giá 15.334.000 đồng;

- 07 attomat Schneider có mã số A9F84325 loại ba pha trị giá 7.546.000 đồng.

Tổng tài sản mà Q và T trộm cắp trị giá 22.880.000 đồng (hai mươi hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Chi nhánh lắp máy điện nước và xây dựng-Công ty cổ phần xây dựng số I Hà Nội, đại diện theo ủy quyền là anh Lê Anh Hoàng đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

Đối với anh Nguyễn Văn Đ và chị Ngô Thị L: Mua attomat của Q và T nhưng không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận B không có căn cứ để xử lý trong vụ án. Anh Điền và chị Lan không có yêu cầu gì về dân sự.

Đối với anh Lưu Nam K nhận 500.000 đồng do Quốc đưa nhưng không biết đó là tiền bán tài sản trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm không có căn cứ để xử lý.

Đối với chiếc xe máy Wave BKS 18Y1-3005 thu giữ của Đỗ Văn Q: qua tra cứu xác minh phương tiện giao thông đường bộ xác định chủ xe là Lương Văn Phương (địa chỉ: xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định), chiếc xe không có trong cơ sở dữ liệu xe vật chứng. Anh P đã bán chiếc xe cho anh Trần Văn H (Sinh năm 1977, địa chỉ: xã H, huyện H, tỉnh Nam Định). Đến năm 2015, anh H bán lại cho anh Lưu Nam K nhưng chưa làm thủ tục sang tên xe. Ngày 16/7/2017, anh Khang cho Q mượn xe nhưng không biết Q sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Ngày 14/9/2017, Công an quận B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Lưu Nam K về hành vi không làm thủ tục đăng ký sang tên xe, phạt tiền 150.000 đồng và trả lại chiếc xe cho anh Lưu Nam K.

Tại cơ quan điều tra, Đỗ Văn Q, Trần Công T đã khai nhận hành vi của mình như trên.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận B, Hà Nội đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bản cáo trạng số 187/CT-VKS, ngày 27/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân quận B đã truy tố Đỗ Văn Q và Trần Công T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Q mức án từ

24 tháng tù đến 30 tháng tù và tổng hợp hình phạt này với hình phạt của Bản án số 27/HSST ngày 08/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Công T mức án từ 22 tháng tù đến 28 tháng tù.

Buộc các bị cáo truy nộp số tiền thu lợi bất chính 3.800.000 đồng sung quỹ nhà nước. Miễn áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo và tịch thu tiêu hủy vật chứng đã thu giữ.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an quận B, TP. Hà Nội; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân quận B, TP. Hà Nội: Trong quá T điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, T tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Những căn cứ xác định tội danh: Đỗ Văn Q và Trần Công T đã có hành vi trộm cắp 170 attomat Schneider loại một pha trị giá 15.334.000 đồng và 07 attomat Schneider loại ba pha trị giá 7.546.000 đồng của Chi nhánh lắp máy điện nước và xây dựng- Công ty cổ phần xây dựng số I Hà Nội. Tổng tài sản mà Q và T trộm cắp trị giá 22.880.000 đồng (hai mươi hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Do đó, các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Trong một thời gian ngắn các bị cáo liên tục thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận B đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị

cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm nhưng vì mục đích tư lợi nên các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Q là người khởi xướng, rủ T đi trộm cắp tài sản, Q là người trực tiếp tháo attomat còn T đứng canh giới và cầm attomat Q tháo được cho vào ba lô. Do vậy cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo Q cao hơn bị cáo T.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo: Ngày 08/7/2014 cả hai bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định xét xử về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đỗ Văn Q bị xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm, bị cáo Trần Công T bị xử phạt 36 tháng tù. Bị cáo Q phạm tội trong thời hạn thử thách của án treo nên phải tổng hợp với hình phạt của bản án này, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án theo điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Công T chưa được xóa án tích. Các bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra Công an quận B và tại phiên tòa bị cáo Q, T thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù giam, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Vì vậy, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự đã nhận lại tài sản, người liên quan anh Điền, chị Lan không có yêu cầu gì khác về dân sự nên không xét.

Tổng số tiền các bị cáo bán attomat được 3.800.000 đồng, bị cáo Q đã đưa cho T 1.400.000 đồng, đưa cho anh Lưu Nam K mua đồ ăn cho Q và T 500.000 đồng, còn lại Q tiêu sài hết nên buộc bị cáo Q phải truy nộp số tiền 2.150.000 đồng, bị cáo T phải truy nộp số tiền 1.650.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

[8] Về vật chứng: 01 kìm điện chuôi nhựa màu đỏ đen; 01 tuốc-lơ-vít chuôi nhựa màu vàng dài khoảng 15 cm; 01 tuốc-lơ-vít chuôi nhựa màu đỏ trắng dài khoảng 25 cm; 01 ba lô màu đen; các bị cáo dùng làm công cụ để lấy attomat, có liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Đỗ Văn Q, Trần Công T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự; phạt bị cáo Đỗ Văn Q 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Tổng hợp hình phạt này với hình phạt tại Bản án số 27/HSST ngày 08/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định xử phạt bị cáo 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 60 (sáu mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2017, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam của bản án số 27/HSST/2014 từ ngày 29/3/2014 đến ngày 30/5/2014.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự; phạt bị cáo Trần Công T 22 (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2017.

3. Áp dụng Điều 41; Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Q phải truy nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 2.150.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) thu lợi bất chính.

- Buộc bị cáo T phải truy nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 1.650.000 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) thu lợi bất chính.

- Về vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 kìm điện chuôi nhựa màu đỏ đen; 01 tuốc-lơ-vít chuôi nhựa màu vàng dài khoảng 15 cm; 01 tuốc-lơ-vít chuôi nhựa màu đỏ trắng dài khoảng 25 cm; 01 ba lô màu đen; theo Biên bản giao nhận vật chứng số 03/18 ngày

04/10/2017 của Cơ quan điều tra Công an quận B và Chi cục thi hành án dân sự quận B.

4. Áp dụng Điều 98; khoản 2 Điều 99; Điều 231; Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Đỗ Văn Q, Trần Công T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người liên quan;
- VKS ND quận B;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Thị Thu Phượng